

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS - ST

Ngày 14/7/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lìn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huệ.

2. Bà Trần Thị Thu Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST - DS ngày 17/6/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1971 và chị Phạm Thị Hương, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Thôn Bản Phiệt, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Hương: Anh Phạm Ngọc T - có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

- Bà Đặng Thị Màng, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn Bản Phiệt, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

- Chị Trần Thị Dung - Tên gọi khác: Trần Thị Oanh, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Bản Phiệt, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do).

- Anh Nguyễn Quang Tuấn, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Bản Phiệt, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do).

Người có quyền lợi liên quan: Ông Trần Văn Cận, sinh năm 1960

ĐKHKT: Thôn Bản Phiệt, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Hiện đang chấp hành án tại đội 39, phân trại số 1, trại giam Hồng Ca -

Cục C10 - Bộ công an - (Vắng mặt tại phiên tòa tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương đề ngày 30/01/2020 và bản tự khai ngày 05/02/2020 anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương trình bày: Do có mối quan hệ là hàng xóm với bà Đặng Thị Màng và vợ chồng chị Trần Thị Dung - tên gọi khác Trần Thị Oanh, anh Nguyễn Quang Tuấn nên vợ chồng anh chị có cho bà Màng, chị Dung, anh Tuấn vay một số tiền mặt cụ thể như sau:

Trước ngày 06/01/2016 bà Đặng Thị Màng có vay vợ chồng anh số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), khi vay không viết giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau, đến ngày 06/01/2016 vợ chồng anh có thống nhất với bà Màng và vợ chồng chị Dung, anh Tuấn là vợ chồng chị Dung, anh Tuấn là người vay vợ chồng anh số tiền 200.000.000đ, không lãi xuất, hai bên thỏa thuận mỗi ngày chị Dung, anh Tuấn trả cho vợ chồng anh 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền trên, sau khi vay bà Màng và chị Dung, anh Tuấn không trả đúng hạn như đã thỏa thuận; từ ngày 11/01/2017 đến ngày 27/3/2017 bà Màng trả cho vợ chồng anh được 14.000.000đồng, từ ngày 02/3/2017 vợ chồng chị Dung, anh Tuấn bắt đầu trả mỗi ngày 2.000.000đồng và trả đến ngày 18/3/2017 được 30.000.000đồng. Ngày 19/8/2017 bà Màng trả cho vợ chồng anh được 50.000.000đồng, từ đó đến nay bà Màng, chị Dung, anh Tuấn không trả cho vợ chồng anh được thêm khoản tiền nào. Tổng cộng bà Màng, chị Dung, anh Tuấn đã trả được 94.000.000đồng tiền nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 106.000.000đồng.

Bà Màng có thể chấp cho vợ chồng anh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn Cận là để đảm bảo cho số tiền vay 200.000.00đồng mà bà Màng, chị Dung, anh Tuấn vay.

Ngày 18/01/2018 chị Trần Thị Dung - tên gọi khác (Trần Thị Oanh) vay vợ chồng anh chị số tiền 60.000.000đồng và hẹn sau một tháng tức là ngày 18/02/2018 sẽ trả đủ cho anh, chị số tiền 60.000.000đồng, ngày 24/6 đến ngày 01/12/2018 chị Dung trả cho vợ chồng anh chị được 28.600.000đồng còn nợ lại 31.400.000đồng.

Ngày 16/10/2018 bà Đặng Thị Màng vay vợ chồng anh chị số tiền 65.000.000đồng hẹn mỗi tháng trả cho vợ chồng anh 10.000.000đồng cho đến khi hết số tiền đã vay 65.000.000đồng, khi đến hạn trả nợ bà Màng không trả cho vợ chồng anh chị đồng nào.

Do vậy anh Tuấn, chị Hương yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Màng và chị Trần Thị Dung (Oanh) và anh Nguyễn Quang Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh chị số tiền nợ gốc và lãi xuất của khoản vay

ngày 06/01/2016 tiền gốc là 106.000.000đồng và tiền lãi 38.711.000đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 144.711.000đồng;

Buộc bà Màng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị số tiền nợ gốc là 65.000.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/01/2020 là 08 tháng; $65.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 8 \text{ tháng} = 4.310.000\text{đồng}$, tổng cộng cả gốc và lãi là 69.310.000đồng.

Buộc chị Trần Thị Dung phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị số tiền vay ngày 18/01/2018 tiền gốc là 31.400.000đồng và lãi xuất là 4.020.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 35.420.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2020 của anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương thì anh chị yêu cầu bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 106.000.000đồng; yêu cầu bà Đặng Thị Màng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc vay ngày 16/10/2018 là 65.000.000đồng; Buộc chị Trần Thị Dung phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc vay ngày 18/01/2018 là 31.400.000đồng. Anh, chị không yêu cầu tính lãi xuất đối với số tiền trên.

Ngày 09/7/2020, anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ cho bà Đặng Thị Màng vay ngày 16/10/2018 là 65.000.000đồng và khoản nợ cho chị Trần Thị Dung vay ngày 18/01/2018 là 31.400.000đồng. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 02 khoản nợ mà vợ chồng anh chị cho bà Màng và chị Dung vay. Nay anh chị chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Màng và chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 106.000.000đồng.

Việc bà Màng thế chấp cho vợ chồng anh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn Cận là để đảm bảo cho số tiền 200.000.00đồng mà bà Màng, chị Dung, anh Tuấn vay. Nay bà Màng, ông Cận đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Màng và anh chị. Buộc anh, chị phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Trần văn Cận quan điểm của anh Tuấn, chị Hương hoàn toàn nhất trí.

Tại bản tự khai của (bị đơn) bà Đặng Thị Màng trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên khoảng năm 2016 anh Phạm Ngọc T có nhờ bà đổi tiền Trung hộ anh Tuấn, cụ thể trước ngày 06/01/2016 bà có nhận của anh Phạm Ngọc T số tiền 200.000.000 VNĐ để đổi tiền Trung cho anh Tuấn, khi anh Tuấn giao tiền cho bà chỉ giao tay không viết giấy tờ gì. Trong khi bà và khách đang đổi tiền thì không hiểu lý do gì mà bà lại đưa cả số tiền 200.000.000VNĐ của anh Tuấn cho khách mà khách họ chỉ đưa lại cho bà 3.000đồng tiền Trung, sau đó bà không biết gì thêm, sau khi bà tính lại mọi người nói là bà bị thôi miên. Ngoài ra bà không được vay khoản tiền nào khác của anh Tuấn. Đến tối ngày 06/01/2016, anh Tuấn đến gia đình bà, anh Tuấn có viết một tờ giấy với nội dung là Trần Thị

Oanh và anh Nguyễn Quang Tuấn vay vợ chồng chị Tuấn, Hương số tiền 200.000.000đồng và chị Dung (Oanh), anh Tuấn ký vào giấy nhận nợ với anh Tuấn số 200.000.000VNĐ và mỗi ngày bà phải trả cho anh Tuấn số tiền 2.000.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ 200.000.000đ, ngoài ra anh Tuấn yêu cầu bà giao sổ đỏ mang tên ông Trần Văn Cận cho anh Tuấn; Bà đã trả cho anh Tuấn được 135.000.000đ, bà chỉ còn nợ anh Tuấn số tiền 65.000.000đ; ngày 16/10/2018 bà và chị Phạm Thị Hương vợ anh Tuấn đã chốt sổ là bà chỉ còn nợ vợ chồng anh Tuấn, chị Hương số tiền 65.000.000đ.

Nay anh Tuấn yêu cầu bà và chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn phải liên đới trả cho anh Tuấn số tiền nợ gốc và lãi xuất của khoản vay ngày 06/01/2016 tiền gốc là 106.000.000đồng và Buộc bà phải thanh toán khoản nợ vay ngày 16/10/2018 tiền nợ gốc là 65.000.000đồng. Quan điểm của bà hoàn toàn nhất trí.

Tại bản tự khai của bị đơn chị Trần Thị Dung - Tên gọi khác Trần Thị Oanh và bản tự khai của anh Nguyễn Quang Tuấn ghi ngày 06/3/2020 chị Dung, anh Tuấn đều trình bày: Chị Dung là con gái ruột của bà Đặng Thị Màng; còn anh Tuấn chồng chị và là con đẻ của bà Màng. Anh chị có được biết trước ngày 06/01/2016 bà Đặng Thị Màng có vay của anh Phạm Ngọc T số tiền 200.000.000đồng, do bà Màng bị người ta lừa thôi miên mất hết số tiền 200.000.000đ vay của anh Tuấn, ngày 06/01/2016, anh Tuấn đã viết sẵn một giấy vay nợ với nội dung là anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương có cho vợ chồng anh Nguyễn Quang Tuấn vay số tiền là 200.000.000đồng và yêu cầu anh, chị ký vào giấy vay nợ là người vay số tiền 200.000.000đồng; anh Tuấn yêu cầu bà Màng phải đưa bì đỏ mang tên bố đẻ chị Dung là Trần Văn Cận cho vợ chồng anh Tuấn. Thực tế vợ chồng anh chị không được nhận số tiền 200.000.000đ của vợ chồng anh Tuấn, mà số tiền này là do bà Màng nhận của anh Tuấn. Ngoài ra ngày 18/01/2018, chị Dung có vay của anh Tuấn, chị Hương số tiền 60.000.000đồng và hẹn sau một tháng phải trả đủ cho anh Tuấn số tiền 60.000.000đồng, chị Dung đã trả được cho anh Tuấn số tiền 28.600.000đồng, đến nay chị Dung còn nợ anh Tuấn chị Hương số tiền gốc là 31.400.000đ. Nay anh Tuấn, chị Hương yêu cầu chị Dung, anh Tuấn cùng bà Màng phải liên đới trả cho vợ chồng anh Tuấn số tiền nợ gốc khoản vay ngày 06/01/2016 tiền gốc là 106.000.000đồng và yêu cầu chị Dung phải có trách nhiệm trả cho anh Tuấn số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 18/01/2018 cả gốc và lãi là 31.400.000; Quan điểm của chị Oanh, anh Tuấn hoàn toàn nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn Cận trình bày: Ông và bà Đặng Thị Màng trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn gia đình nên vợ chồng ông đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn, về tài sản giữa ông và bà Màng chưa được giải quyết; Chị Trần Thị Dung là con gái ruột của ông và bà Màng, anh Nguyễn Quang Tuấn là con đẻ của ông và bà Màng. Việc bà Màng, chị Dung, anh Tuấn có vay tiền của vợ chồng anh Phạm Ngọc T và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Trần Văn Cận cho vợ chồng anh Tuấn thì ông

không biết. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Tuấn, chị Hương phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Tại đơn yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Màng ghi ngày 20/5/2020, bà đề nghị Tòa án tuyên bố hủy hợp đồng thế chấp QSD đất lập ngày 06/01/2016 giữa bà và vợ chồng anh Tuấn. Buộc anh Tuấn phải trả lại GCNQSD đất số R 750400 do UBND huyện Bảo Thắng cấp ngày 16/12/1998 mang tên hộ ông Trần Văn Cận cho bà, lý do bà đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà và vợ chồng anh chị Tuấn, Hương là do bà không hiểu biết, tài sản thế chấp không phải là tài sản riêng của bà mà là tài sản chung giữa bà và ông Trần Văn Cận.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được, vì vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn và người có quyền lợi liên quan ông Trần Văn Cận.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, bà Đặng Thị Màng chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn không chấp hành pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, 290; Điều 463, Điều 466; Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương.

Xử buộc bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung (Oanh), anh Nguyễn Quang Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 106.000.000đồng; Phần của bà Đặng Thị Màng là 35.330.000đồng; Phần của chị Trần Thị Dung là 35.330.000đồng; Phần của anh Nguyễn Quang Tuấn là 35.330.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương đối với yêu cầu buộc bà Đặng Thị Màng phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương khoản nợ gốc vay ngày 16/10/2018 là 65.000.000đồng;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương đối với yêu cầu buộc chị Trần Thị Dung phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương khoản nợ gốc vay ngày 18/01/2018 là 31.400.000đồng;

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị Màng đề nghị Tòa án giải quyết hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 06/01/2016 giữa

bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn và anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương.

Ngoài ra đề nghị HĐXX tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật; anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương, bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bản Phiệt, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 06/01/2016 anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương có cho bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng); Bà Màng, chị Dung, anh Tuấn đã trả cho anh Tuấn, chị Hương được 94.000.000đồng, còn nợ anh Tuấn, chị Hương 106.000.000đ.

Ngày 18/01/2018 anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương cho chị Trần Thị Dung - tên gọi khác (Trần Thị Oanh) vay số tiền 60.000.000đồng và hẹn sau một tháng tức là ngày 18/02/2018 sẽ trả đủ cho anh Tuấn chị Hương số tiền 60.000.000đồng; từ ngày 24/6/2018 đến ngày 01/12/2018 chị Dung trả cho vợ chồng anh Tuấn, chị Hương được 28.600.000đồng còn nợ lại 31.400.000đồng.

Ngày 16/10/2018 anh Phạm Ngọc T chị Phạm Thị Hương có cho bà Đặng Thị Màng vay số tiền 65.000.000đồng và thỏa thuận mỗi tháng bà Màng trả cho anh Tuấn, chị Hương 10.000.000đồng cho đến khi hết số tiền đã vay 65.000.000đồng, khi đến hạn bà Màng không trả cho vợ chồng anh Tuấn, chị Hương được đồng nào.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Ngọc T là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Hương giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 106.000.000đồng, anh không yêu cầu tính lãi xuất.

Đối với bà Đặng Thị Màng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị Màng nhất trí trả cho anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 35.330.000đồng.

Đối với chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Dung, anh Tuấn cũng nhất trí trả cho vợ chồng anh Tuấn số tiền trên.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương yêu cầu bà Đặng Thị Màng và chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Tuấn, chị Hương số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 số tiền 106.000.000đồng là có căn cứ, vì vậy HĐXX cũng cần buộc bà Màng, chị Dung, anh Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Tuấn, chị Hương số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 106.000.000đồng; phần của bà Màng, chị Dung, anh Tuấn mỗi người phải trả cho anh Tuấn, chị Hương là 35.330.000đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Anh Tuấn, chị Hương không yêu cầu tính lãi xuất, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với khoản vay ngày 16/10/2018 anh Phạm Ngọc T chị Phạm Thị Hương cho bà Đặng Thị Màng vay số tiền 65.000.000đồng, ngày 09/7/2020 anh Tuấn, chị Hương đã có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Đặng Thị Màng phải trả cho anh chị khoản nợ vay ngày 16/10/2018 là 65.000.000đồng; vì vậy HĐXX cũng cần đình chỉ một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Màng phải trả cho anh chị khoản nợ vay ngày 16/10/2018 là 65.000.000đồng;

Đối với khoản vay ngày 18/01/2018 anh Phạm Ngọc T chị Phạm Thị Hương cho chị Trần Thị Dung vay số tiền 60.000.000đồng, chị Dung đã trả được 28.600.000đồng, còn nợ 31.400.000đồng, ngày 09/7/2020 anh Tuấn, chị Hương đã có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu chị Dung phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị số tiền nợ gốc là 31.400.000đồng, vì vậy HĐXX cũng cần đình chỉ một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu buộc chị Dung phải trả cho anh chị khoản nợ vay ngày 18/01/2018 là 31.400.000đồng;

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị Màng, ngày 02/6/2020 bà Màng đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố, vì trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn Cận cho bà. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Vì vậy HĐXX cần đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Màng, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 288, 290; Điều 463, Điều 466; Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Hương.

- Xử buộc bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương số tiền nợ gốc vay ngày 06/01/2016 là 106.000.000đồng; Phần của bà Đặng Thị

Màng là 35.330.000đồng; Phần của chị Trần Thị Dung là 35.330.000đồng; Phần của anh Nguyễn Quang Tuấn là 35.330.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương đối với yêu cầu buộc bà Đặng Thị Màng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị khoản nợ gốc vay ngày 16/10/2018 là 65.000.000đồng;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương đối với yêu cầu buộc chị Trần Thị Dung phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh chị khoản nợ gốc vay ngày 18/01/2018 là 31.400.000đồng;

Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị Màng đề nghị Tòa án giải quyết hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 06/01/2016 giữa bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn và anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương.

Đương sự không có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 06/01/2016 giữa bà Đặng Thị Màng, chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn và anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị Màng phải chịu 1.766.500đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Màng không phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố, bà được hoàn lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số 0009949 ngày 20/5/2020, tại chi cục thi hành án dân sự; khấu trừ đi số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai số 0009949 ngày 20/5/2020, bà Màng còn phải chịu 1.466.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Dung, anh Nguyễn Quang Tuấn mỗi người phải chịu phải chịu 1.766.500đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Hương không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Tuấn, chị Hương được hoàn lại 6.240.000đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0009773 ngày 05/02/2020, tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

“ Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự ”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn bà Đặng Thị Màng; Vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Dung (Trần Thị Oanh), anh Nguyễn Quang Tuấn; người có quyền lợi liên quan ông Trần văn Cận. Nguyên đơn, bị đơn bà Đặng Thị Màng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị Trần Thị Dung (Trần Thị Oanh), anh Nguyễn Quang Tuấn; Người có quyền lợi liên quan ông Trần văn Cận có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (02);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- Các đương sự (06);
- Lưu HS -TA-.VP;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lìn Thị Lài

